

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 22

Phần C.III - Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

Ngày thi: 22/6/2024

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Nông Thị Anh	7,25	Bảy phẩy hai năm	41	Ngô Thị Ngọc Linh	8,00	Tám
2	Nông Thị Ao	7,75	Bảy phẩy bảy năm	42	Hoàng Thị Mai	7,75	Bảy phẩy bảy năm
3	Nông Thị Bạch	7,50	Bảy phẩy năm	43	Nguyễn Phương Mai	8,25	Tám phẩy hai năm
4	Lục Thị Châm	8,00	Tám	44	Nông Thị Niệm	7,50	Bảy phẩy năm
5	Lê Kiên Chung	7,00	Bảy	45	Dương Thị Ngân	7,75	Bảy phẩy bảy năm
6	Hoàng Thị Chuyên		Thôi học	46	Phạm Thị Nhân	7,50	Bảy phẩy năm
7	Phan Đoàn Dân	6,00	Sáu	47	Triệu Thị Nháy		Hoãn thi
8	Hà Thị Phương Dung	7,25	Bảy phẩy hai năm	48	Phùng Tồn Nhất	7,00	Bảy
9	Vi Thị Dung	7,00	Bảy	49	Chu Thị Nhậ	7,50	Bảy phẩy năm
10	Bế Thị Dung	8,00	Tám	50	Hoàng Thị Nhiệm	7,75	Bảy phẩy bảy năm
11	Luân Tuấn Đạt	6,75	Sáu phẩy bảy năm	51	Nông Thị Hồng Nhung	7,25	Bảy phẩy hai năm
12	Nông Tiến Đạt	7,00	Bảy	52	Phạm Thị Lưu Như	7,25	Bảy phẩy hai năm
13	Trần Văn Đạt	7,00	Bảy	53	Thắm Thị Phúc	7,50	Bảy phẩy năm
14	Lưu Chí Đức	6,50	Sáu phẩy năm	54	Hoàng Thúy Quỳnh	7,50	Bảy phẩy năm
15	Tô Thị Giang	7,00	Bảy	55	Hứa Mạnh Toàn	7,00	Bảy
16	Đào Thị Hạnh	7,00	Bảy	56	Đỗ Thị Thanh Tú	7,00	Bảy
17	Chu Thị Hào	7,00	Bảy	57	Phùng Ngọc Tú	6,50	Sáu phẩy năm
18	Hoàng Thị Tú Hiền	7,00	Bảy	58	Mông Tô Tuyên	7,00	Bảy
19	Hoàng Thị Hiền	8,00	Tám	59	Nông Văn Tư	7,00	Bảy
20	Nông Trung Hiếu	7,75	Bảy phẩy bảy năm	60	Lâm Đức Thành	7,00	Bảy
21	Hà Thị Hoa	8,25	Tám phẩy hai năm	61	Lôi Thị Thao	7,50	Bảy phẩy năm
22	Đàm Thị Phương Hoài	7,75	Bảy phẩy bảy năm	62	Lý Thị Thảo	7,25	Bảy phẩy hai năm

23	Mã Xuân Hợp	6,75	Sáu phẩy bảy năm	63	Lâm Thu Thiều	7,75	Bảy phẩy bảy năm
24	Lý Thị Hợp	7,25	Bảy phẩy hai năm	64	Chu Thị Thơm	6,75	Sáu phẩy bảy năm
25	Trịnh Minh Huệ	8,25	Tám phẩy hai năm	65	Phạm Bằng Thuận	7,25	Bảy phẩy hai năm
26	Nông Lý Huệ	7,50	Bảy phẩy năm	66	Hà Thị Thu	7,50	Bảy phẩy năm
27	Hoàng Mạnh Hùng	7,50	Bảy phẩy năm	67	Lương Thị Thanh Thủy	7,00	Bảy
28	Hà Văn Huy	8,00	Tám	68	Hoàng Thu Thủy	7,25	Bảy phẩy hai năm
29	Hoàng Văn Hưng	6,00	Sáu	69	Trần Thị Thu Thúy	8,00	Tám
30	Nông Thị Hương	8,00	Tám	70	Nông Thị Thúy	7,25	Bảy phẩy hai năm
31	Đàm Thị Thu Hương	7,50	Bảy phẩy năm	71	Lê Thị Thương	8,00	Tám
32	Hứa Thị Hương	7,50	Bảy phẩy năm	72	Nguyễn Thị Trang	8,00	Tám
33	Ma Nông Hữu	6,00	Sáu	73	Chu Thị Huyền Trang	7,75	Bảy phẩy bảy năm
34	Nông Thị Kiều	7,00	Bảy	74	Triệu Thị Trâm	8,00	Tám
35	Vương Văn Khuyên	6,75	Sáu phẩy bảy năm	75	Bàn Hữu Trung	6,75	Sáu phẩy bảy năm
36	Lục Thị Lan	7,50	Bảy phẩy năm	76	Hoàng Lê Vân	8,00	Tám
37	Nông Hồng Lanh	7,50	Bảy phẩy năm	77	Trần Văn Việt	7,25	Bảy phẩy hai năm
38	Long Thị Lanh	7,00	Bảy	78	Hoàng Văn Vinh	7,00	Bảy
39	Nông Văn Lâm	7,00	Bảy	79	Hoàng Xuân Vũ	7,25	Bảy phẩy hai năm
40	Nguyễn Thị Tú Lệ	8,00	Tám	80	Hoàng Thị Hải Yến		<i>Thôi học</i>

Điểm 6,00: 03 điểm; Điểm 6,50: 02 điểm; Điểm 6,75: 05 điểm; Điểm 7,00: 19 điểm; Điểm 7,25: 11 điểm; Điểm 7,50: 14 điểm; Điểm 7,75: 08 điểm; Điểm 8,00: 12 điểm; Điểm 8,25: 03 điểm./.

GHI ĐIỂM

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH

K/T HIỆU TRƯỞNG

K/T TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thu Hằng

Nông Văn Dũng



Hoàng Việt Hưng